TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 73/2022/HNG§-ST
Ngµy 29-9-2022
V/v "Tranh chấp
Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn
2. Ông Lương Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2022 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QSĐST-HNGĐ ngày 23/9/2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Trần Thị C, sinh năm 1980 (có mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Chung Nghĩa, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện ở: Số nhà 78, đường Ngô Quyền, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**** Bị đơn:*** *Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Chung Nghĩa, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 07/7/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 10/01/1998, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, giấy chứng nhận kết hôn chị khai đã bị thất lạc, không có để cung cấp cho Tòa án. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Chung Nghĩa. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh H mải chơi không chịu làm ăn, rượu chè, quan hệ bất chính người khác, không quan tâm gì đến vợ con, hai vợ chồng có cãi vã nhau và anh H có đánh chị thường xuyên, gia đình hai bên đều biết nhưng không khuyên giải được anh H, anh H vẫn chứng nào tật đấy. Tháng 12/2021 chị đã nộp đơn 01 lần đến Tòa án nhân dân huyện Việt Yên đề nghị giải quyết ly hôn, con chung. Sau đó tháng 01/2022 chị đã rút đơn về để cho anh H có cơ hội sửa sai và vì con cái. Nhưng một thời gian chị về ở thì anh H vẫn không chịu cải sửa. Ngày 08/7/2022 anh H lại tiếp tục đánh chị nên chị đã phải bỏ đi một mình và về nhà em trai sinh sống. Từ đó thì hai vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là Nguyễn Thị Thủy Tiên, sinh ngày 23/9/1999; Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 07/11/2005; Nguyễn Thị Thu Uyên, sinh ngày 01/4/2009 và Nguyễn Trung Hiếu, sinh ngày 18/7/2016. Hiện con chung cháu Tiên đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết. Còn lại 03 cháu Nguyên, Uyên, Hiếu đang ở với anh H. Chị vẫn thường xuyên mua đồ và gửi tiền cho các cháu ăn học. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng 02 con chung cháu Nguyên và Uyên, còn để anh H nuôi cháu Hiếu. Chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện chị đang làm bán hàng cho em trai ở Bắc Ninh thu nhập trung bình một tháng khoảng 8.000.000 đồng. Thời gian làm việc từ 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều, được nghỉ chủ nhật. Chị về ở với em trai có nhà đất do em trai chị cho để mẹ con chị làm ăn sinh sống và ở. Chị có đủ điều kiện về thu nhập và thời gian chăm sóc con chung và chỗ ăn ở cho các cháu phát triển bình thường. Anh H lái xe cho xưởng may gần nhà, có thu nhập, có nhà đất của bố mẹ, khi anh H đi làm có bố mẹ phụ giúp trông cháu, anh H có đủ điều kiện nuôi dưỡng 01 con chung.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Trần Thị C có mặt trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn và giải quyết con chung với anh H. Chị trình bày tại phiên tòa là giấy chứng nhận kết hôn giữa chị và anh H hiện đã bị thất lạc, chị và anh H không có cung cấp cho Tòa án. Chị đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

** Đối với anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án tại biên bản lấy lời khai có trình bày:*

Anh và chị Trần Thị C kết hôn ngày 10/01/1998, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, anh không có giấy chứng nhận kết hôn nộp cho Tòa án được vì đã bị thất lạc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Chung Nghĩa. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, nguyên nhân mâu thuẫn do anh hay uống rượu, hai vợ chồng có cãi vã nhau và gia đình hai bên đều biết hòa giải tình cảm vợ chồng. Trước đây tháng 12/2021

thì vợ anh chị C có nộp đơn ly hôn anh đến Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, đến tháng 01/2022 vợ anh đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Sau đó vợ chồng về ở với nhau, do đợt vừa rồi anh có uống rượu nên vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Hai bên gia đình khuyên giải nhưng hai vợ không về ở với nhau nữa. Từ tháng 7/2022 thì hai vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, và mong muốn chị C rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ vì con cái nên anh không đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Vợ chồng anh có 04 con chung là Nguyễn Thị Thủy Tiên, sinh ngày 23/9/1999; Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 07/11/2005; Nguyễn Thị Thu Uyên, sinh ngày 01/4/2009 và Nguyễn Trung Hiếu, sinh ngày 18/7/2016. Hiện con chung cháu Tiên đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết. Còn lại 03 cháu Nguyên, Uyên, Hiếu đang ở với anh. Nếu phải ly hôn anh nhận nuôi dưỡng cả 03 con chung cháu Nguyên, Uyên, Hiếu. Anh không yêu chị C cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Hiện anh đang làm lái xe cho Công ty Minh Linh ở tại xã Nghĩa Trung thu nhập trung bình một tháng khoảng 12.000.000 đồng-15.000.000 đồng. Thời gian làm việc 08 tiếng/ngày. Anh đang ở với mẹ anh có nhà đất để ở, các cháu ở với anh được học hành phát triển bình thường. Anh có đủ điều kiện về thu nhập và thời gian chăm sóc con chung và chỗ ăn ở cho các cháu phát triển bình thường.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị C chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn anh H chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cho chị C nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 07/11/2005 và Nguyễn Thị Thu Uyên, sinh ngày 01/4/2009. Giao anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Trung Hiếu, sinh ngày 18/7/2016. Vấn đề cấp dưỡng: Chị C và anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí, quyền kháng cáo các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Cvà anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh H có nơi cư trú: Thôn Chung Nghĩa, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Chiêu, chị Huệ.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị C. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị C và anh H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, chị C, anh H khai có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên nhưng không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn với lý do đã bị thất lạc. Hội đồng xét xử xét thấy, chị C và anh H có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, hai vợ chồng cãi vã nhau. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa chị C khai chị xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng không khuyên giải được anh H, chị đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Việt Yên 01 lần sau đó rút đơn vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh H vẫn đánh chị, hai vợ chồng chị đã ly thân nhau từ tháng 7/2022, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tại biên bản lấy lời khai anh H có trình bày vợ chồng có mâu thuẫn do anh hay uống rượu, hai vợ chồng có cãi vã nhau, gia đình hai bên biết và khuyên giải nhưng sau đó hai vợ chồng không về ở với nhau nữa, hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7/2022 không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau, tháng 12/2021 chị C đã từng nộp đơn xin ly hôn, sau đó rút đơn vợ chồng về đoàn tụ, sau khi về ở với nhau thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn do anh có uống rượu.

Mặt khác, tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị C, anh H có xảy ra mâu thuẫn từ tháng 7/2022 lý do mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng nhiều, cãi vã nhau, chị C đã bỏ đi khỏi nhà anh H và từ đó cho đến nay chị C không trở lại sinh sống cùng anh H. Xác minh việc đăng ký kết hôn của chị C, anh H thì UBND xã Nghĩa Trung cung cấp không còn lưu trữ hồ sơ, sổ sách ghi đăng ký kết hôn từ trước năm 1999 và tra cứu sổ sách lưu trữ từ năm 1999 cho đến nay cũng không có thông tin chị C, anh H đăng ký kết hôn. Cán bộ tư pháp hộ tịch xã Nghĩa Trung thời điểm năm 1998 cung cấp không nhớ năm 1998 chị C, anh H có đăng ký kết hôn hay không. Như vậy, việc chị C, anh H khai có đăng ký kết hôn năm 1998 nhưng không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc kết hôn, UBND xã Nghĩa Trung không còn hồ sơ lưu trữ thì không có căn cứ gì khẳng định việc chị C, anh H có đăng ký kết hôn vào năm 1998. Việc chị C và anh H sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật

hôn nhân và gia đình, chị C có đơn yêu cầu giải quyết thì xác định không công nhận chị C, anh H là vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy tại phiên tòa chị C đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình

* Về con chung: Chị C, anh H đều xác định vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thị Thủy Tiên, sinh ngày 23/9/1999; Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 07/11/2005; Nguyễn Thị Thu Uyên, sinh ngày 01/4/2009 và Nguyễn Trung Hiếu, sinh ngày 18/7/2016. Hiện con chung cháu Tiên đã trưởng thành lấy chồng, không yêu cầu giải quyết. Còn lại 03 cháu Nguyên, Uyên, Hiếu đang ở với anh H. Ly hôn chị C nhận nuôi dưỡng 02 con chung cháu Nguyên và Uyên, còn để anh H nuôi cháu Hiếu. Chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện chị đang làm bán hàng cho em trai ở Bắc Ninh thu nhập trung bình một tháng khoảng 8.000.000 đồng. Thời gian làm việc từ 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều, được nghỉ chủ nhật. Chị về ở với em trai có nhà đất do em trai chị cho để mẹ con chị làm ăn sinh sống và ở. Chị có đủ điều kiện về thu nhập và thời gian chăm sóc con chung và chỗ ăn ở cho các cháu phát triển bình thường. Anh H tại biên bản lấy lời khai anh xác định vợ chồng có 04 con chung, hiện con chung cháu Tiên đã trưởng thành lấy chồng, anh không yêu cầu giải quyết. Còn lại 03 cháu Nguyên, Uyên, Hiếu đang ở với anh. Nếu phải ly hôn anh nhận nuôi dưỡng cả 03 con chung cháu Nguyên, Uyên, Hiếu. Anh không yêu chị C cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Hiện anh đang làm lái xe cho Công ty Minh Linh ở tại xã Nghĩa Trung thu nhập trung bình một tháng khoảng 12.000.000 đồng-15.000.000 đồng. Thời gian làm việc 08 tiếng/ngày. Anh đang ở với mẹ anh có nhà đất để ở, các cháu ở với anh được học hành phát triển bình thường. Anh có đủ điều kiện về thu nhập và thời gian chăm sóc con chung và chỗ ăn ở cho các cháu phát triển bình thường.

Tại bản tự khai của cháu Nguyên, Uyên có nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu Hiếu xin được ở với bố. Chị C và anh H đều có thu nhập, đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng các con tốt. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị C nuôi dưỡng 02 con chung, anh H nuôi dưỡng 01 con chung và chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị C, giao chị C nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyên, Uyên, giao anh H

nuôi dưỡng con chung là cháu Hiếu là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Nguyên, Uyên, Hiếu. Chị Yến, anh Quân có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị C, anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị C, anh H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 ; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn H.

[2] Về con chung: Giao cho chị Trần Thị C nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 07/11/2005 và Nguyễn Thị Thu Uyên, sinh ngày 01/4/2009. Giao anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Trung Hiếu, sinh ngày 18/7/2016. Vấn đề cấp dưỡng: Chị C và anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi không công nhận quan hệ vợ chồng, chị C anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Án phí: Chị Trần Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006662 ngày 25/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Trần Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Nghĩa Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân